Tu dien Pali-Viet - 19

Từ điển Pali–Việt

Tu dien Pali-Viet - 19

Trang gốc

Đọc với phông chữ Unicode VU Times

Tự điển Pali-Việt

Hòa thượng Bửu Chơn

- Ḍ -

ḌASATI (da ṃs + a) cắn, chích. aor. ṇasi. pp. ṇaṭṭha. pr.p. ṇasanta, ṇasamāna. abs. ṇasitvā.

ḌASANA nt. sự cắn, sự chích.

ḌAYHATI (pass của ṇahati) bị đốt. aor. ṇayhi. pr.p. ṇayhamāna.

ḌAHATI (dah + a) thiêu, đốt, đốt cháy. aor. ṇahi. pp. ṇaṇṇha. pr.p. ṇahanta, ṇahamāna . abs. ṇahitvā.

ḌAṂSA m. ruồi lằn.

ḌĀKAṂ nt. rau, cỏ ăn được.

ḌĀHA m. sự nóng, sức nóng, sự thiêu đốt, sự cháy đỏ.

ḌĪYANA nt. sự bay lên.

ḌETI (dī + e) bay lên. aor. desi. pr.p ṇenta.

-ooOoo-

A

Ā

I

Ī

U

Ū

E

O

K

Kh

G

Gh

C

Ch

J

Jh

Ñ

Ṭ

Ḍ

T

Th

D

Dh

N

P

Ph

B

Bh

M

Y

R

L

V

S

H

Pali-English

Mục lục | Đầu trang

Pali-English Dictionary | Trở về trang Thư Mục

last updated: 17-04-2003

Chân thành cám ơn Tỳ kheo Tăng Định, đạo hữu NTH và TNM đã hỗ trợ công tác vi tính (Bình Anson, 04-2003)

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.